TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 15 - 7 - 2020.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Đình Nghệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Tý.

2. Bà Lê Kim Thủy.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Tăng Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐXX-ST, ngày 01 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông M, sinh năm 1975.

Địa chỉ: A, lộ H, khóm Y, phường R, TP. Đài Trung, Đài Loan. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà TH, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện A, tỉnh Hậu Giang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư N, Chi nhánh Văn phòng luật sư V, Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông M trình bày: Ông và bà TH kết hôn vào ngày 25 tháng 12 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Hậu Giang. Sau khi kết hôn, ông sinh sống tại Đài

Loan, bà Thi sinh sống tại Việt Nam. Cuộc sống hôn nhân của ông và bà Thi không hạnh phúc do bất đồng ngôn ngữ, phong tục tập quán, tính tình và quan điểm sống khác nhau. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà TH.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông M khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà TH trình bày: Hôn nhân của bà với ông M rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do bất đồng ngôn ngữ, phong tục tập quán, tính tình và quan điểm sống khác nhau. Nay bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự; và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho ông M được ly hôn với bà TH theo quy định pháp luật. Riêng về con chung, tài sản chung và nợ chung, do đương sự khai không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông M là người có quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan) có đơn khởi kiện xin ly hôn với bà TH; địa chỉ thường trú tại Ấp T, xã K, huyện A, tỉnh Hậu Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, ông M và bà TH và Luật sư N đều có văn bản yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông M và TH kết hôn vào ngày 25 tháng 12 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Hậu Giang nên quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà TH là hợp pháp và được pháp luật Việt Nam thừa nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận, hôn nhân không hạnh phúc do bất đồng ngôn ngữ, phong tục tập quán, tính tình và quan điểm sống khác nhau. Xét thấy, mục đích hôn nhân của ông M và bà TH không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của ông M xin ly hôn với bà TH là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông M và bà TH đều khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 470, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 122 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông M được ly hôn với bà TH.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí ông M đã nộp theo biên lai thu số 0002776 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang thành án phí.

3. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 01 tháng; bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Đình Nghệ